ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TỐNG SƠN

**TRƯỜNG THCS HÀ TÂN**

**KẾ HOẠCH**

**GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**

**PHÂN MÔN LỊCH SỬ - LỚP 9**

*(Lưu hành nội bộ)*

**Tống Sơn, tháng 11 năm 2025**

**PHỤ LỤC 1:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS HÀ TÂN**  **TỔ XÃ HỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**PHÂN MÔN LỊCH SỬ - LỚP 9**

**Năm học 2025 - 2026**

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp: 02; Số học sinh: 60 HS.**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 01**; **Trình độ đào tạo**: Đại học: 01.

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên :** Đạt: 01

**3. Thiết bị dạy học:**

***3.1. Phân môn Lịch sử: không có.***

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**II. Kế hoạch dạy học.**

**1. Phân phối chương trình Phân môn Lịch sử.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Bài học**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Năng lực số** |
|  |  |  | **THẾ GIỚI TỪ 1918 ĐẾN 1945: 6 tiết.** |  |
| 1 | Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945 | 1 | - Nêu được những nét chính về nước Nga trước khi Liên Xô được thành lập.  - Trình bày được những thành tựu và chỉ ra được những hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô. | 1.1.TC1a, 2.1.TC2a, 5.2.TC5a |
| 2 | Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945 | 2 | - Trình bày được những nét chính về phong trào cách mạng và sự thành lập Quốc tế Cộng sản; đại suy thoái kinh tế 1929 - 1933, sự hình thành chủ nghĩa phát xít ở châu Âu.  - Nhận biết được tình hình chính trị và sự phát triển kinh tế của nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới. | 1.2.TC1b, 2.3.TC2b, 5.1.TC5a |
| 3 | Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945 | 1 | - Nêu được những nét chính về tình hình châu Á từ năm 1918 đến năm 1945. | 1.3.TC1c, 3.1.TC3a, 6.2.TC6a |
| 4 | Chiến tranh thế giới thứ hai 1939 – 1945 | 2 | - Trình bày được nguyên nhân và diễn biến chủ yếu của Chiến tranh thế giới thứ hai.  - Phân tích được hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại.  - Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử, vai trò của Liên Xô và các nước Đồng minh trong chiến thắng chủ nghĩa phát xít. | 1.4.TC1d, 3.2.TC3b, 4.1.TC4a, 5.3.TC5b |
| **VIỆT NAM TỪ 1918 – 1945: 6 tiết.** | | | | **Mã năng lực số** |
| 5 | 1.5.TC1a, 2.2.TC2a, 3.3.TC3b | 1 | Mô tả được những nét chính của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930 gồm: phong trào yêu nước của giai cấp tư sản, tầng lớp tiểu tư sản; phong trào công nhân; sự ra đời của các tổ chức yêu nước cách mạng. | 1.1.TC1a, 2.1.TC2a, 6.1.TC6a |
| 6 | 1.6.TC1b, 2.3.TC2b, 4.2.TC4b, 5.3.TC5b | 2 | - Nêu được những nét chính về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 – 1930.  - Nhận biết được quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. | 1.3.TC1c, 3.1.TC3a, 5.2.TC5a |
| 7 | 1.7.TC1b, 3.1.TC3a, 5.1.TC5a | 1 | Mô tả được những nét chủ yếu của phong trào cách mạng giai đoạn 1930 – 1931 và 1936 – 1939. | 2.3.TC2b, 3.2.TC3b, 5.3.TC5b |
| 8 | 1.8.TC1a, 2.2.TC2a, 3.2.TC3a, 5.3.TC5b | 2 | - Nêu được tình hình Việt Nam dưới ách thống trị của Pháp – Nhật Bản.  - Nhận biết được sự chuẩn bị của nhân dân Việt Nam tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền: chuyển hướng chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương; sự ra đời của Mặt trận Việt Minh; cao trào kháng Nhật cứu nước.  - Trình bày được diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.  - Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và đánh giá được vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. | 1.2.TC1b, 3.1.TC3a |
| **THẾ GIỚI 1945 – 1991: 11 tiết.** | | | |  |
| 9 | Chiến tranh lạnh 1947 - 1989 | 1 | Nhận biết được nguyên nhân, những biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh. | 1.9.TC1a, 3.2.TC3a, 4.1.TC4a |
| 10 | Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 - 1991 | 3 | - Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991.  - Giải thích được sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu. | 1.10.TC1a, 2.1.TC2a, 3.3.TC3b, 4.2.TC4b |
| 11 | Nước Mỹ và Tây Âu từ năm 1945 - 1991 | 3 | Nêu được những nét chính về chính trị, kinh tế của nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991. | 1.11.TC1a, 2.2.TC2a, 3.1.TC3a |
| 12 | Mỹ Latinh từ năm 1945 đến năm 1991 | 2 | - Mô tả được đôi nét về các nước Mỹ La-tinh từ năm 1945 đến năm 1991.  - Trình bày được một cách khái quát về cách mạng Cu-ba và đánh giá được kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cu-ba. | 1.12.TC1b, 2.3.TC2b, 4.2.TC4b |
| 13 | Châu Á từ năm 1945 đến năm 1991 | 2 | - Giới thiệu được những nét chính về Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1991.  - Trình bày được cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và quá trình phát triển của các nước Đông Nam Á, sự hình thành và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). | 1.13.TC1a, 2.1.TC2a, 5.1.TC5a |
| **VIỆT NAM TỪ 1945 ĐẾN 1991: 11 tiết.** | | | |  |
| 14 | Việt Nam trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám. | 2 | - Nhận biết được những biện pháp chủ yếu để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hoá, giáo dục, quân sự,... trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.  - Trình bày được những nét chính về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Nam Bộ. | 1.14.TC1a, 3.2.TC3a, 4.1.TC4a |
| 15 | Việt Nam từ năm 1946 đến năm 1954. | 3 | - Giải thích được nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946).  - Nhận biết và giải thích được đường lối cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng.  - Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá, quân sự,... trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1946 – 1954.  - Nêu được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954). | 1.15.TC1b, 2.3.TC2a, 4.2.TC4b, 5.3.TC5b |
| 16 | Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975 | 4 | * Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa (hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục và phát triển kinh tế, chi viện cho cách mạng miền Nam, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ,...). * Mô tả được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 – 1975 (phong trào Đồng khởi; đánh bại các chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ; Tổng tiến công nổi dậy năm 1968, 1972; Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975,...). * Nêu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. | * 1.16.TC1a, 3.2.TC3a, 4.3.TC4a, 5.2.TC5a |
| 17 | Việt Nam từ năm 1976 - 1991 | 2 | **-** Trình bày được sự thống nhất đất nước về mặt Nhà nước, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và vùng biên giới phía Bắc trong những năm 1975 – 1979, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo.  **-** Nêu được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm 1976 – 1985.  **-** Mô tả được đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, giải thích được nguyên nhân, nêu được kết quả và ý nghĩa của công cuộc Đổi mới trong giai đoạn 1986 – 1991.  **-** Đánh giá được thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện đường lối đổi mới. | 1.17.TC1b, 3.3.TC3b, 4.2.TC4b |
| **THẾ GIỚI TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY: 4 tiết.** | | | |  |
| 18 | Trật tự thế giới mới từ năm 1991 đến nay. | 1 | **-** Nhận biết được xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh. | 1.18.TC1a, 3.1.TC3a, 5.2.TC5b |
| 19 | **-** Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay  **-** Nước Mỹ từ năm 1991 đến nay | 1 | * Nêu được tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay. | 1.19.TC1b, 3.2.TC3a, 4.1.TC4a |
| * Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ từ năm 1991 đến nay. | 1.20.TC1a, 2.3.TC2b, 5.1.TC5a |
| 20 | Châu Á từ năm 1991 đến nay | 2 | **-** Giới thiệu được sự phát triển kinh tế – xã hội của các nước Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) từ năm 1991 đến nay.  **-** Mô tả được quá trình phát triển của ASEAN từ năm 1991 đến nay và những nét chính của Cộng đồng ASEAN. |  |
| **VIỆT NAM TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY: 1 tiết.** | | | |  |
| 21 | Khái lược công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay. | 1 | Biết được những nội dung khái quát của công cuộc Đổi mới đất nước từ 1991 đến nay. | 1.21.TC1a, 3.2.TC3a,  3.3.TC3b  4.3.TC4b |
| 22 | Thành tựu của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay | Chỉ ra được những thành tựu tiêu biểu (trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, quốc phòng, an ninh,…) của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay. |
| **CÁCH MẠNG KHOA HỌC – KĨ THUẬT VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA: 1 tiết.** | | | |  |
| 23 | Cách mạng khoa học kĩ thuật và xu thế toàn cầu hóa | 1 | **-** Mô tả được những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học – kĩ thuật trên thế giới và ảnh hưởng của cuộc cách mạng đó đến Việt Nam.  **-** Trình bày được những nét cơ bản về xu hướng toàn cầu hoá và đánh giá được tác động của toàn cầu hoá đối với thế giới và Việt Nam. | 1.23.TC1a, 2.2.TC2b, 5.3.TC5b |
| 24 | **Chủ đề chung 1:** Đô thị -lịch sử và hiện tại.  - Các đô thị hiện đại  - Xu hướng đô thị hoá trên thế giới  - Đô thị hoá ở Việt Nam; đô thị và phát triển vùng | 2 | * Trình bày được vai trò của đô thị đối với sự phát triển vùng với tư cách là trung tâm quyền lực và kinh tế của vùng, đất nước, khu vực. * Mô tả được quá trình đô thị hoá thời kì xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp.   - Nêu được tác động của đô thị hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội. | 1.24.TC1a, 3.1.TC3a, 4.2.TC4b |
| 25 | **Chủ đề chung 3.** Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.  – Chứng cứ lịch sử, pháp lí về chủ quyền biển đảo của Việt Nam.  – Vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam | 3 | **-** Trình bày được những chứng cứ lịch sử, pháp lí về chủ quyền biển đảo Việt Nam.  **-** Nêu được vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam trong việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. | 1.25.TC1a, 2.3.TC2a, 5.3.TC5b |

**2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**

**3. Kiểm tra, đánh giá định kì Phân môn Lịch sử.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** |
| Giữa Học kì 1 | Sử 45p | Tuần 9 | Kiểm tra đánh giá kiến thức, phẩm chất, năng lực của học sinh sau khi tiếp nhận kiến thức từ tuần 1 đến tuần 8 của chương trình.  **1.Kiên thức**  – Trình bày được những thành tựu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1921-1941).  – Trình bày được những nét chính về phong trào cách mạng và sự thành lập Quốc tế Cộng sản; đại suy thoái kinh tế 1929 – 1933; sự hình thành chủ nghĩa phát xít ở châu Âu.  – Mô tả được tình hình chính trị và sự phát triển kinh tế của nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.  – Nêu được những nét chính về tình hình châu Á từ năm 1918 đến năm 1945.  – Trình bày được nguyên nhân bùng nổ và diễn biến chủ yếu của Chiến tranh thế giới thứ hai.  **-** Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sửcủa Chiến tranh thế giới thứ hai.  - Phân tích, đánh giá được hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại.  – Nhận xét được vai trò của Liên Xô và các nước Đồng minh trong chiến thắng chủ nghĩa phát xít.  - Mô tả được những nét chính của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930.  – Nêu được những nét chính về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 – 1930.  – Trình bày được quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.  – Đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.  - Mô tả được những nét chủ yếu của phong trào cách mạng giai đoạn 1930 – 1931 và 1936 – 1939.  – Nêu được tình hình Việt Nam dưới ách thống trị của Pháp – Nhật Bản.   * Trình bày được diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.   - Trình bày được sự chuẩn bị của nhân dân Việt Nam tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền: chuyển hướng chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương; sự ra đời của Mặt trận Việt Minh; cao trào kháng Nhật cứu nước.  – Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945.  – Đánh giá được vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.  **2. Về năng lực**  + Lựa chọn, xử lí thông tin Lịch sử.  + Khả năng tái hiện, xác định, phân biệt các sự kiện, hiện tượng Lịch sử.  + Khả năng vận dụng kiến thức, sử dụng ngôn ngữ Lịch sử.  **3. Về phẩm chất:**  - Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính trung thực và tự giác trong kiểm tra, tôn trọng những giá trị Lịch sử. | Viết trên giấy |
| Cuối Học kì 1 | Sử 45p | Tuần 17 | Kiểm tra đánh giá kiến thức, phẩm chất, năng lực của học sinh sau khi tiếp nhận kiến thức của chương trình HK1.  **1.Kiên thức**   * Biết được diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.   – Nêu được nguyên nhân, những biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh.  – Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991.  – Giải thích được sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu.  – Nêu được những nét chính về chính trị, kinh tế của nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991.  – Trình bày được một cách khái quát về cách mạng Cuba.  – Mô tả được đôi nét về các nước Mỹ Latinh từ năm 1945 đến năm 1991.  – Đánh giá được kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cuba.  – Liên hệ được bài học từ kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cuba đối với Việt Nam  – Trình bày được cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và quá trình phát triển của các nước Đông Nam Á, sự hình thành và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).  – Giới thiệu được những nét chính về Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1991.  **2. Về năng lực**  + Lựa chọn, xử lí thông tin Lịch sử.  + Khả năng tái hiện, xác định, phân biệt các sự kiện, hiện tượng Lịch sử.  + Khả năng vận dụng kiến thức, sử dụng ngôn ngữ Lịch sử.  **3. Về phẩm chất:**  - Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính trung thực và tự giác trong kiểm tra, tôn trọng những giá trị Lịch sử. | Viết trên giấy |
| Giữa Học kì 2 | Sử 45p | Tuần 26 | Kiểm tra đánh giá kiến thức, phẩm chất, năng lực của học sinh sau khi tiếp nhận kiến thức từ tuần 19 đến tuần 26 của chương trình.  **1.Kiên thức**   * Trình bày được những nét chính về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Nam Bộ.   – Trình bày được những biện pháp chủ yếu để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hoá, giáo dục, quân sự,... trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.  – Giải thích được nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946).  – Nêu và giải thích được đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng.  – Nêu được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).  – Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự, kinh tế, văn hoá, ngoại giao,... trong kháng chiến chống thực dân Pháp.  – Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa (hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục và phát triển kinh tế, chi viện cho cách mạng miền Nam, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ,...).  – Mô tả được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 – 1975 (phong trào Đồng khởi; đánh bại các chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ; Tổng tiến công nổi dậy năm 1968, 1972; Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975,...).  – Nêu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.  – Trình bày được sự thống nhất đất nước về mặt nhà nước, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và vùng biên giới phía Bắc trong những năm 1975 – 1979, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo.   * Nêu được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm 1976 – 1985.   – Mô tả được đường lối Đổi mới của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn 1986 – 1991.  - Nêu được nguyên nhân thắng lợi, kết quả và ý nghĩa của công cuộc Đổi mới trong giai đoạn 1986 – 1991.  – Rút ra được bài học kinh nghiệm từ việc thực hiện đường lối Đổi mới.  **2. Về năng lực**  + Lựa chọn, xử lí thông tin Lịch sử.  + Khả năng tái hiện, xác định, phân biệt các sự kiện, hiện tượng Lịch sử.  + Khả năng vận dụng kiến thức, sử dụng ngôn ngữ Lịch sử.  **3. Về phẩm chất:**  - Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính trung thực và tự giác trong kiểm tra, tôn trọng những giá trị Lịch sử. | Viết trên giấy |
| Cuối Học kì 2 | Sử 45p | Tuần 33 | Kiểm tra đánh giá kiến thức, phẩm chất, năng lực của học sinh sau khi tiếp nhận kiến thức của chương trình HK2.  **1.Kiên thức**   * Nêu được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm 1976 – nay.   - Nêu được xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh.  – Nêu được tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay.  – Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ từ năm 1991 đến nay.  – Giới thiệu được sự phát triển kinh tế – xã hội của các nước Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) từ năm 1991 đến nay.  – Mô tả được quá trình phát triển của ASEAN từ năm 1991 đến nay và những nét chính của Cộng đồng ASEAN.  – Nêu được những thành tựu tiêu biểu (trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh…) của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay.  – Trình bày được những nét cơ bản về xu hướng toàn cầu hoá.  – Mô tả được những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học kĩ thuật trên thế giới.  – Đánh giá được tác động của toàn cầu hoá đối với thế giới và Việt Nam.  – Liên hệ được tác động của toàn cầu hoá đối với thế giới và Việt Nam.  **2. Về năng lực**  + Lựa chọn, xử lí thông tin Lịch sử.  + Khả năng tái hiện, xác định, phân biệt các sự kiện, hiện tượng Lịch sử.  + Khả năng vận dụng kiến thức, sử dụng ngôn ngữ Lịch sử.  **3. Về phẩm chất:**  - Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính trung thực và tự giác trong kiểm tra, tôn trọng những giá trị Lịch sử. | Viết trên giấy |

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Tống Sơn, ngày 12 tháng 11 năm 2025* |
| **PHỤ TRÁCH CHUYÊN MÔN** | **TỔ TRƯỞNG**  **Lê Thị Hà** |
| **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG** | | |

**PHỤ LỤC II**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS HÀ TÂN**  **TỔ KHOA HỌC XÃ HỘI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA**

**TỔ CHUYÊN MÔN**

**Năm học 2025 - 2026**

1. **PHÂN MÔN LỊCH SỬ: không tổ chức**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số tiết** | **Thời điểm** | **Địa điểm** | **Chủ trì** | **Phối hợp** | **Điều kiện thực hiện** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Tống Sơn, ngày 12 tháng 11 năm 2025* |
| **PHỤ TRÁCH CHUYÊN MÔN** | **TỔ TRƯỞNG**  **Lê Thị Hà** |
| **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG** | |

**PHỤ LỤC III:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS HÀ TÂN**  **TỔ : XÃ HỘI**  **Họ và tên GV: Trịnh Thị Mai.** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

**PHÂN MÔN HỌC LỊCH SỬ - LỚP 9**

**Năm học 2025 – 2026**

**I. Kế hoạch dạy học**

**1. Phân phối chương trình**

-Thời lượng chương trình: 53 tiết/ lớp/ năm, dạy trong 35 tuần

|  |  |
| --- | --- |
| **Học kì I: 27 tiết**  **Học kì II: 26 tiết** |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **S**  **TT** | **Bài học** | **Số tiết** | **Tiết ppct** | **Thời điểm** | **Thiết bị dạy học** | **Địa điểm dạy học** | **Liệt kê các YCCĐ để giải thích cho việc phát triển năng lực số** | |
|  | **THẾ GIỚI TỪ 1918 ĐẾN 1945:**  **6 tiết** | | | | | | |  | |
| **2** | Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945. **(Bài 1)** | 1 | **1** | **Tuần**  **1** | - Lược đồ thế giới từ 1918 đến 1945.  - Phim tư liệu thể hiện công cuộc xây dựng CNXH và cuộc chiến tranh chống Phát xít từ năm 1918 – 1945. | Lớp học | **1.1.TC1a:** HS tìm kiếm tư liệu, hình ảnh số về Liên Xô giai đoạn 1918–1945. **2.1.TC2a:** Sử dụng bản đồ số và biểu đồ trực tuyến minh hoạ thành tựu kinh tế. **5.2.TC5a:** Biết trình bày, chia sẻ sản phẩm học tập bằng PowerPoint, Canva, Padlet. | |
| **3** | Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945 (Tiết 1). **(Bài 2)** | 2 | **2** | **Tuần**  **2** | - Lược đồ thế giới từ 1918 đến 1945. | Lớp học | **1.2.TC1b:** Tìm kiếm tư liệu về khủng hoảng kinh tế 1929–1933 trên nguồn số. **2.3.TC2b:** Thảo luận trực tuyến về tác động của khủng hoảng kinh tế. **5.1.TC5a:** Chia sẻ sản phẩm học tập qua nền tảng số an toàn. | |
| **4** | Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945 (Tiết 2) **(Bài 2)** | **3** | **Tuần**  **3** | - Lược đồ thế giới từ 1918 đến 1945. | Lớp học |
| **5** | Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945. **(Bài 3)** | 1 | **4** | **Tuần**  **4** | - Lược đồ thế giới từ 1918 đến 1945. | Lớp học | **1.3.TC1c:** Tìm hiểu dữ liệu về các phong trào đấu tranh độc lập ở châu Á. **3.1.TC3a:** Thảo luận nhóm trực tuyến về xu thế cách mạng châu Á. **6.2.TC6a:** Đánh giá, phản hồi sản phẩm học tập của bạn học. | |
| **6** | Chiến tranh thế giới thứ hai 1939 – 1945.(Tiết 1)  **(Bài 4)** | 2 | **5** | **Tuần**  **5** | - Lược đồ thế giới trong thời gian 1939 – 1945.  **-** Phim tài liệu về một số sự kiện quan trọng của cuộc Chiến tranh thế giới II**.** | Lớp học | **1.4.TC1d:** Khai thác bản đồ, phim tư liệu số về Chiến tranh thế giới thứ hai. **2.3.TC3a:** So sánh dữ liệu trực tuyến giữa phe Trục và phe Đồng minh. **4.1.TC4a:** Tạo sản phẩm mô phỏng diễn biến chiến tranh bằng công cụ số. **5.3.TC5b:** Xuất bản bài trình bày trên nền tảng số (Slides, Padlet). | |
| **7** | Chiến tranh thế giới thứ hai 1939 – 1945 (Tiết 2). **(Bài 4)** | **6** | Lớp học |
|  | **VIỆT NAM TỪ 1918 – 1945: 6 tiết** | | | | | | |  | |
| **9** | Phong trào dân tộc dân chủ trong những năm 1918 – 1930 . **(Bài 5)** | 1 | **7** | **Tuần**  **6** |  | Lớp học | **1.5.TC1a:** Học sinh tìm kiếm, sưu tầm tư liệu, tranh ảnh số về phong trào yêu nước của giai cấp tư sản, tiểu tư sản và công nhân Việt Nam giai đoạn 1918–1930. **2.2.TC2a:** Thảo luận nhóm trên môi trường số (Padlet, Jamboard) để thống kê, so sánh các phong trào. **3.3.TC3b:** Thiết kế poster hoặc infographic bằng Canva thể hiện sự phát triển của phong trào dân tộc dân chủ. | |
| **10** | Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng cộng sản Việt Nam (Tiết 1) **(Bài 6)** | 2 | **8** |  | Lớp học | **1.6.TC1b:** Học sinh tìm hiểu tài liệu, hình ảnh, video tư liệu số về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài. **2.3.TC2b:** Thực hiện dự án nhóm trực tuyến về quá trình hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam. **4.2.TC4b:** Dựng video, bản đồ tư duy số thể hiện mốc thời gian thành lập Đảng bằng PowerPoint hoặc Canva. **5.3.TC5b:** Trình bày, đăng tải sản phẩm trên nền tảng học tập số đảm bảo tuân thủ bản quyền. | |
| **11** | Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng cộng sản Việt Nam (Tiết 2)  **(Bài 6)** | **9** | **Tuần**  **7** |  | Lớp học |
| **12** | Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 – 1939  **(Bài 7)** | 1 | **10** | - Lược đồ phong trào Xô viết Nghệ − Tĩnh (1930 − 1931). | Lớp học | **1.7.TC1b:** Tra cứu tư liệu số về cao trào cách mạng Xô viết Nghệ – Tĩnh và phong trào Dân chủ 1936–1939. **3.1.TC3a:** Sử dụng ứng dụng số (Mindmap, Canva) để vẽ sơ đồ tư duy khái quát diễn biến hai cao trào. **5.1.TC5a:** Chia sẻ, nhận xét sản phẩm nhóm khác trên Padlet hoặc Google Classroom theo nguyên tắc tôn trọng và an toàn số. | |
| **13** | Cách mạng tháng Tám năm 1945 (Tiết 1) **(Bài 8)** | 1 | **11** | **Tuần**  **8** | -Lược đồ Cách mạng tháng Tám năm 1945. | Lớp học | **1.8.TC1a:** Sưu tầm tư liệu, hình ảnh, video số về phong trào kháng Nhật cứu nước và cao trào Tổng khởi nghĩa Tháng Tám. | |
| **14** | **Ôn tập giữa kì 1** | 1 | **12** |  | Lớp học |  | |
| **15** | **Kiểm tra giữa kì 1** | 1 | **13** | **Tuần**  **9** |  | Lớp học |  | |
| **16** | Cách mạng tháng Tám năm 1945 (Tiết 2) **(Bài 8)** | 1 | **14** | **Tuần**  **10** | -Phim tài liệu thể hiện những nhân vật, sự kiện tiêu biểu của lịch sử cách mạng Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945 | Lớp học | **2.2.TC2a:** Làm việc nhóm trực tuyến để xây dựng sơ đồ hoặc bản đồ số thể hiện diễn biến khởi nghĩa trên toàn quốc. **3.2.TC3a:** Tạo video hoặc slide kể lại diễn biến Cách mạng Tháng Tám bằng công cụ số (PowerPoint, Canva). **5.3.TC5b:** Đăng tải, chia sẻ sản phẩm số đảm bảo trích nguồn dữ liệu, tuân thủ đạo đức số. | |
|  | **THẾ GIỚI 1945 – 1991: 11 tiết.** | | | | | | |  | |
| **18** | Chiến tranh lạnh 1947 – 1989 **(Bài 9)** | 1 | **15** | **Tuần**  **11** |  | Lớp học | **1.9.TC1a:** Tìm kiếm tư liệu, hình ảnh số về Chiến tranh lạnh trên Internet. **3.2.TC3a:** Dựng sơ đồ số thể hiện mối quan hệ hai cực Xô–Mỹ. **4.1.TC4a:** Trình bày sản phẩm trên ứng dụng trực tuyến (Slides, Canva). | |
| **19** | Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 – 1991. (Tiết 1)  **(Bài 10)** | 3 | **16** | **Tuần**  **12** | - Lược đồ Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu trong thời gian từ năm 1945 đến năm 1991.  **-** Phim tài liệu về thành tựu xây dựng công nghiệp nguyên tử và về cuộc chinh phục vũ trụ của Liên Xô | Lớp học | **1.10.TC1a:** Tra cứu tài liệu số về công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô. **2.1.TC2a:** Hợp tác nhóm để phân tích dữ liệu kinh tế qua biểu đồ trực tuyến. **3.3.TC3b:** Thiết kế infographics thể hiện thành tựu và hạn chế. **4.2.TC4b:** Đưa ra nhận định bằng công cụ số (Padlet, Linoit). | |
| **20** | Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 – 1991. (Tiết 2)  **(Bài 10)** | **17** | **Tuần**  **13** | Lớp học |
| **21** | Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 – 1991. (Tiết 3)  **(Bài 10)** | **18** | Lớp học |
| **22** | Nước Mỹ và Tây Âu từ năm 1945 - 1991 (Tiết 1) **(Bài 11)** | 3 | **19** | **Tuần**  **14** | Lược đồ thế giới thể hiện được tình hình địa - chính trị thế giới, Mỹ và các nước Tây Âu từ 1945 đến 1991 | Lớp học | **1.11.TC1a:** Tìm tư liệu số về kế hoạch Mácsan và khối NATO. **2.2.TC2a:** Thảo luận nhóm qua ứng dụng học tập số về chính sách phát triển. **3.1.TC3a:** Tạo sản phẩm số so sánh hai trung tâm kinh tế lớn trên Canva. | |
| **23** | Nước Mỹ và Tây Âu từ năm 1945 – 1991(Tiết 2)  **(Bài 11)** | **20** | Lớp học |
| **24** | Nước Mỹ và Tây Âu từ năm 1945 – 1991(Tiết 2)  **(Bài 11)** | **21** | **Tuần**  **15** | Lớp học |
| **25** | Mĩ la tinh từ năm 1945 đến năm 1991. (Tiết 1)  **(Bài 12)** | 2 | **22** | Phim tài liệu về lịch sử cuộc Cách mạng Cuba. | Lớp học | **1.12.TC1b:** Khai thác tư liệu, hình ảnh về cách mạng Cu-ba qua mạng. **2.3.TC2b:** Làm việc nhóm trực tuyến xây dựng bảng thời gian sự kiện. **4.2.TC4b:** Trình bày bài tóm tắt bằng sản phẩm số (Video, Poster). | |
| **26** | Mĩ la tinh từ năm 1945 đến năm 1991. (Tiết 2)  **(Bài 12)** | **23** | **Tuần**  **16** | Lớp học |
| **27** | **Ôn tập cuối kì 1** | 1 | **24** |  | Lớp học |  | |
| **28** | **Kiểm tra cuối kì 1** | 1 | **25** | **Tuần**  **17** | Lớp học |  | |
| **29** | Châu Á từ năm 1945 đến năm 1991. (Tiết 1)  **(Bài 12)** | 2 | **26** | **Tuần**  **18** | Phim tài liệu về một một số sự kiện quan trọng trong lịch sử khu vực Đông Nam Á từ năm 1945 đến năm 1991. | Lớp học | **1.13.TC1a:** Tìm kiếm dữ liệu số về sự phát triển kinh tế các nước châu Á. **2.1.TC2a:** Trao đổi, hợp tác trực tuyến để lập sơ đồ so sánh phát triển. **5.1.TC5a:** Chia sẻ thông tin đúng nguồn, tuân thủ an toàn dữ liệu. | |
| **30** | Châu Á từ năm 1945 đến năm 1991. (Tiết 2) **(Bài 12)** | **27** | Lớp học |
|  | **HỌC KÌ II: 26 TIẾT** | | | | | | |  | |
|  | **VIỆT NAM TỪ 1945 ĐẾN 1991: 11 tiết** | | | | | | |  | |
| **32** | Việt Nam trong những năm đầu sau cách mạng tháng Tám năm 1945 (Tiết 1) **(Bài 13)** | 2 | **28** | **Tuần**  **19** | Phim tài liệu thể hiện một số sự kiện quan trọng trong lịch sử Việt Nam từ tháng 9 năm 1945 đến tháng 12 năm 1946 | Lớp học | **1.14.TC1a:** Học sinh tìm kiếm tư liệu, hình ảnh, video số về công cuộc xây dựng chính quyền cách mạng và kháng chiến Nam Bộ năm 1945–1946. **3.2.TC3a:** Sử dụng công cụ số (Canva, Mindmap) để thiết kế sơ đồ mô tả nhiệm vụ của chính quyền non trẻ. **4.1.TC4a:** Thuyết trình kết quả bằng PowerPoint, chia sẻ qua lớp học trực tuyến. | |
| **33** | Việt Nam trong những năm đầu sau cách mạng tháng Tám năm 1945 (Tiết 2) **(Bài 13)** | **29** | **Tuần**  **20** | Lớp học |
| **34** | Việt Nam từ năm 1946 đến năm 1954. (Tiết 1)  **(Bài 14)** | 3 | **30** | **Tuần**  **21** | - Lược đồ Việt Nam thể hiện được tình hình chính trị - quân sự của Việt Nam từ tháng 12 năm 1946 đến tháng 7 năm 1954.  - Phim tài liệu về Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954. | Lớp học | **1.15.TC1b:** Khai thác tư liệu số về chiến dịch Việt Bắc, Biên giới, Điện Biên Phủ. **2.3.TC2a:** Làm việc nhóm trực tuyến để xây dựng timeline số các chiến dịch lớn. **4.2.TC4b:** Thiết kế video hoặc infographic thể hiện diễn biến kháng chiến. **5.3.TC5b:** Đăng tải, chia sẻ sản phẩm học tập, đảm bảo trích dẫn nguồn và an toàn dữ liệu. | |
| **35** | Việt Nam từ năm 1946 đến năm 1954. (Tiết 2) **(Bài 15)** | **31** | **Tuần**  **22** | Lớp học |
| **36** | Việt Nam từ năm 1946 đến năm 1954. (Tiết 3) **(Bài 15)** | **32** | **Tuần**  **23** | Lớp học |
| **37** | Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975 . (Tiết 1) **(Bài 16)** | 4 | **33** | **-** Lược đồ Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975.  **-** Phim tài liệu về một số sự kiện quan trọng trong lịch sử Việt Nam từ tháng 7 năm 1954 đến tháng 5 năm 1975. | Lớp học | **1.16.TC1a:** Tra cứu dữ liệu, hình ảnh, tư liệu số về các chiến dịch tiêu biểu (Đồng khởi, Tết Mậu Thân, Hồ Chí Minh). **3.2.TC3a:** Sử dụng phần mềm số để lập sơ đồ tư duy thể hiện tiến trình kháng chiến. **4.3.TC4a:** Dựng video, trình chiếu hoặc timeline số khái quát kết quả kháng chiến. **5.2.TC5a:** Chia sẻ sản phẩm trên môi trường số an toàn, tôn trọng bản quyền. | |
| **38** | Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975. (Tiết 2)  **(Bài 16)** | **34** | **Tuần**  **24** | Lớp học |
| **39** | Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975. (Tiết 3)  **(Bài 17)** | **35** | Lớp học |
| **40** | Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975. (Tiết 4)  **(Bài 17)** | **36** | **Tuần**  **25** | Lớp học |
| **41** | **Ôn tập giữa kì 2** | 1 | **37** |  | Lớp học |  | |
| **42** | **Kiểm tra giữa kì 2** | 1 | **38** | **Tuần**  **26** |  | Lớp học |  | |
| **43** | Việt Nam từ năm 1976 - 1991(Tiết 1) **(Bài 18)** | 2 | **39** | Phim tài liệu thể hiện một số sự kiện quan trọng trong lịch sử Việt Nam từ năm 1986 đến năm 1991 | Lớp học | **1.17.TC1b:** Tìm kiếm tư liệu số, hình ảnh, video về các kỳ Đại hội Đảng (IV–VI) và công cuộc Đổi mới 1986. **3.3.TC3b:** Thiết kế infographic hoặc sơ đồ số mô tả quá trình phát triển đất nước giai đoạn 1976–1991. **4.2.TC4b:** Tạo báo cáo điện tử, trình bày qua nền tảng số (Slides, Padlet, Canva). | |
| **44** | Việt Nam từ năm 1976 – 1991 (Tiết 2) **(Bài 18)** | **40** | **Tuần**  **27** | Lớp học |
|  | **THẾ GIỚI TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY: 4 tiết** | | | | | | |  | |
| **46** | Trật tự thế giới mới từ năm 1991 đến nay. **(Bài 19)** | 1 | **41** | **Tuần**  **28** | Tranh ảnh thế giới từ 1991 đến nay. | Lớp học | **1.18.TC1a:** Học sinh tìm kiếm bản đồ, hình ảnh, video tư liệu số thể hiện sự chuyển biến trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh. **3.1.TC3a:** Sử dụng Canva, Mindmap hoặc PowerPoint để tạo sơ đồ số mô tả các trung tâm quyền lực mới (Mỹ, EU, Trung Quốc, Nga). **5.2.TC5b:** Trình bày, chia sẻ sản phẩm học tập có trích dẫn nguồn dữ liệu rõ ràng, tuân thủ đạo đức số. | |
| **47** | Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay. **(Bài 19)** | 1 | **42** | **Tuần**  **29** | Tranh ảnh Liên bang Nga từ 1991 đến nay. | Lớp học | **1.19.TC1b:** Tra cứu dữ liệu thống kê, biểu đồ số về tăng trưởng GDP, dân số, và vị thế quốc tế của Nga và Mỹ sau 1991. **3.2.TC3a:** Hợp tác nhóm trên nền tảng số để lập bảng so sánh trực tuyến về hai quốc gia. **4.1.TC4a:** Tạo báo cáo hoặc video ngắn trình bày nhận xét và đánh giá, chia sẻ trên lớp học số. | |
| Nước Mỹ từ năm 1991 đến nay. **(Bài 19)** | Tranh ảnh Nước Mỹ từ 1991 đến nay. | Lớp học |
| **48** | Châu Á từ năm 1991 đến nay (Tiết 1) **(Bài 20)** | 2 | **43** | **Tuần**  **30** | Phim tài liệu về một số sự kiện quan trọng trong lịch sử khu vực Đông Nam Á từ năm 1991 đến nay (2021). | Lớp học | **1.20.TC1a:** Học sinh tìm kiếm tư liệu, bản đồ số, video về sự phát triển của Đông Bắc Á và ASEAN. **2.3.TC2b:** Làm việc nhóm trực tuyến để thiết kế bản đồ số thể hiện sự mở rộng của ASEAN từ 1991 đến nay. **5.1.TC5a:** Đánh giá, phản hồi sản phẩm của bạn học trên môi trường số (Padlet, Jamboard) với tinh thần hợp tác và an toàn thông tin. | |
| **49** | Châu Á từ năm 1991 đến nay (Tiết 2) **(Bài 20)** | **44** | **Tuần**  **31** |
| **50** | Việt Nam từ năm 1991 đến nay **(Bài 21)** | 1 | **45** | Phim tài liệu thể hiện một số sự kiện quan trọng trong lịch sử Việt Nam từ năm 1991 đến nay | Lớp học | **1.21.TC1a:** Học sinh tìm kiếm, thu thập số liệu, hình ảnh, video về công cuộc Đổi mới đất nước sau 1991. **3.2.TC3a:** Sử dụng phần mềm Canva hoặc Mindmap để xây dựng sơ đồ tư duy thể hiện các thành tựu nổi bật.  **3.3.TC3b:** Thiết kế infographic, video hoặc bài trình bày điện tử thể hiện các thành tựu tiêu biểu. **4.3.TC4b:** Tạo video, slide hoặc báo cáo điện tử minh họa vai trò của Đổi mới đối với phát triển đất nước. | |
| **51** | Cách mạng KHKT và xu thế toàn cầu hoá. **(Bài 22)** | 1 | **46** | **Tuần**  **32** | Tranh ảnh về thành tựu KHKT hiện đại | Lớp học | **1.22.TC1b:** Tra cứu, khai thác dữ liệu thống kê và hình ảnh phát triển KT–XH của Việt Nam thời kỳ đổi mới. **2.3.TC2a:** Làm việc nhóm trực tuyến để so sánh sự thay đổi của Việt Nam trước và sau Đổi mới. **3.3.TC3b:** Thiết kế infographic, video hoặc bài trình bày điện tử thể hiện các thành tựu tiêu biểu. | |
| **52** | **Ôn tập cuối kì 2** | 1 | **47** | - Tranh ảnh, video về đô thị qua các thời kì. | Lớp học |  | |
| **53** | **Kiểm tra cuối kì 2** | 1 | **48** | **Tuần**  **33** |  | Lớp học |  | |
| **54** | **Chủ đề chung 1:** Đô thị -lịch sử và hiện tại.(Tiết 1) | 3 | **49** | **-** Tranh ảnh, phim tài liệu liên quan đến bài học. | Lớp học | **1.24.TC1a:** Học sinh tìm kiếm hình ảnh, bản đồ số và dữ liệu về sự phát triển của đô thị Việt Nam qua các thời kỳ. **3.1.TC3a:** Sử dụng công cụ Canva hoặc PowerPoint để thiết kế bản đồ số thể hiện xu hướng đô thị hoá ở Việt Nam và thế giới. **4.2.TC4b:** Xây dựng sản phẩm học tập số (poster, video, slide) phân tích vai trò của đô thị trong phát triển bền vững. | |
| **55** | **Chủ đề chung 1:** Đô thị -lịch sử và hiện tại.(Tiết 2) | **50** | **Tuần**  **34** | **-** Tranh ảnh, phim tài liệu liên quan đến bài học. | Lớp học |
| **56** | **Chủ đề chung 2:** Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. (Tiết 1) | **51** | **-** Tranh ảnh, phim tài liệu liên quan đến bài học. | Lớp học |
| **57** | **Chủ đề chung 2 :** Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông (Tiết 2) | 1 | **52** | **Tuần**  **35** |  | Lớp học | **1.25.TC1a:** Học sinh sưu tầm, khai thác bản đồ, tư liệu, video số về chủ quyền biển đảo Việt Nam (Hoàng Sa, Trường Sa). **2.3.TC2a:** Hợp tác nhóm trực tuyến để thảo luận và thiết kế bản đồ số, timeline hoặc infographic tuyên truyền về chủ quyền biển đảo. **5.3.TC5b:** Trình bày, đăng tải sản phẩm tuyên truyền trên môi trường số, đảm bảo đạo đức và an toàn thông tin mạng. | |
| **58** | **Chủ đề chung 2:** Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông (Tiết 3) | 1 | **53** |  | Lớp học |

**2. Nhiệm vụ khác (nếu có):** Bồi dưỡng học sinh giỏi; Tổ chức hoạt động giáo dục...

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Tống Sơn, ngày 12 tháng 11 năm 2025* |
| **TỔ TRƯỞNG**  **Lê Thị Hà** | **GIÁO VIÊN BỘ MÔN**  **Trịnh Thị Mai** |
| **PHỤ TRÁCH CHUYÊN MÔN** | |